

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2017- 2019

● ĐỖ HUYỀN HƯƠNG - NGUYỄN THU HẰNG

TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu về thực trạng phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2017 – 2019. Đồng thời, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển ngành công nghiệp này đến năm 2025.

Từ khóa: Thực trạng, ngành công nghiệp hỗ trợ, tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, phát triển CNHT được xem là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Chính phủ, nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của CNHT, Vĩnh Phúc đã và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm phát triển ngành công nghiệp quan trọng này.

Giai đoạn 2017 - 2019, ngành CNHT của tỉnh Vĩnh Phúc đã bước đầu đạt được những thành tựu nhất định, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Chính vì vậy, tác giả đã tìm hiểu thực trạng phát triển của ngành CNHT giai đoạn này của tỉnh Vĩnh Phúc để từ đó đưa ra một số giải pháp phù hợp với mong muốn giúp tỉnh đạt được nhiều bước tiến hơn nữa.

2. Thực trạng phát triển ngành Công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

2.1. Thực trạng phát triển sự đóng góp của ngành Công nghiệp hỗ trợ vào GDP tỉnh Vĩnh Phúc

Tính đến năm 2019, toàn tỉnh có 1.347

doanh nghiệp (DN) hoạt động trong lĩnh vực CNHT, với tổng vốn đăng ký 2,3 tỷ USD - trong đó có 159 DN đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và 30 DN trong nước. Các DN CNHT đầu tư tại Vĩnh Phúc tập trung vào CNHT cho 5 nhóm ngành công nghiệp lớn, bao gồm: công nghiệp cơ khí; công nghiệp điện tử-tin học; công nghiệp ô tô, xe máy; công nghiệp dệt may, giày dép; công nghiệp vật liệu xây dựng.

Giai đoạn 2017 - 2020, giá trị sản xuất công nghiệp ngành CNHT đạt khoảng 67,4 nghìn tỷ đồng - chiếm 38,9% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh - thu hút 30 - 35 dự án đầu tư lĩnh vực sản xuất sản phẩm CNHT thuộc danh mục ưu tiên. Riêng đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực là linh kiện điện tử, dệt may thì doanh thu, sản phẩm liên tục tăng cao.

Lĩnh vực CNHT (phụ tùng) ô tô, xe máy năm 2018 đạt doanh thu 287,78 triệu USD, tăng 6% so với cùng kỳ; giá trị xuất khẩu đạt 72,57 triệu USD, tăng 2% so với cùng kỳ; nộp ngân sách nhà nước 4,17% tỷ đồng, bằng 98% so với cùng kỳ năm

2017. Năm 2019, tổng doanh thu của lĩnh vực này trong 9 tháng đầu năm tăng 22% so với cùng kỳ. Giá trị xuất khẩu tăng 54%, nộp ngân sách nhà nước tăng 8% so với cùng kỳ năm 2018. Điều này đã giúp tạo việc làm ổn định cho 8.302 lao động, tăng thêm 809 người so với thời điểm 31/12/2018.

Lĩnh vực CNHT điện, điện tử, gia công linh kiện điện tử doanh thu 2018 đạt 2.720,08 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ; giá trị xuất khẩu đạt 2.686,45 triệu USD, tăng 24% so với cùng kỳ; nộp ngân sách nhà nước đạt 1.101,31 tỷ đồng, tăng 111% so với cùng kỳ năm 2017. Năm 2019, tổng doanh thu của lĩnh vực này trong 9 tháng đầu năm tăng 8%, giá trị xuất khẩu tăng 5%, nộp ngân sách nhà nước tăng 10% so với cùng kỳ năm 2018, tạo việc làm ổn định cho 49.889 lao động, tăng thêm 809 người so với thời điểm 31/12/2018.

Ngoài ra, năm 2019, ngành linh kiện điện tử đã đóng góp vào tăng trưởng chung tới 3,97 điểm % trong tổng số tăng chung của tỉnh là 8,05 điểm %. Như vậy, với tỷ trọng trong giá trị tăng thêm chiếm tới 35,56%, dẫn đầu toàn ngành công nghiệp của tỉnh, sự phát triển của ngành sản xuất linh kiện điện tử góp phần giúp duy trì sự tăng trưởng của ngành công nghiệp cũng như sự tăng trưởng chung của toàn tỉnh. Lĩnh vực điện tử đã trở thành mặt hàng công nghiệp chủ lực, thúc đẩy tăng trưởng chung của ngành công nghiệp.

2.2. Các chính sách của tỉnh Vinh Phúc nhằm phát triển ngành Công nghiệp hỗ trợ

2.2.1. Thu hút đầu tư

Để thu hút đầu tư, Vinh Phúc đã xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư, hỗ trợ DN và các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, quan tâm đến các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp đạt tiêu chuẩn hiện đại, đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư.

Năm 2019, hệ thống hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp (KCN) tại Vinh Phúc tương đối hoàn thiện. Vinh Phúc đã quy hoạch được 19 KCN với quy mô gần 6.000 ha, trong đó có 10 khu đã được thành lập và cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng diện tích quy hoạch gần 4.000 ha, tạo điều kiện thuận lợi về mặt hạ tầng phát triển công nghiệp

tập trung. Tỉnh cũng quy hoạch được 32 cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với tổng diện tích 625 ha, trong đó 16 cụm được hình thành với tổng diện tích 334 ha.

Tỉnh cũng đầu tư vào việc tạo mối liên kết giữa các DN với các công ty, tập đoàn lớn, bao gồm các nhà lắp ráp, các nhà cung ứng lớp trên trong và ngoài nước với các DN trong nước để trở thành nhà cung ứng. Tư vấn chuyển giao công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ về kỹ thuật, chuyên gia; hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; xây dựng nguồn nhân lực kỹ thuật phục vụ phát triển CNHT.

Bên cạnh đó, chất lượng lao động cũng đã được cải thiện nhằm cung cấp cho các DN CNHT. Thiết lập các loại hình hỗ trợ, cải thiện triết để hạ tầng các KCN, cụm công nghiệp để thực hiện mục tiêu khuyến khích phát triển CNHT trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, tăng cường sự liên kết giữa các DN; đầu tư xây dựng Trung tâm kết nối phát triển CNHT tại TP. Vinh Yên nhằm tư vấn, hỗ trợ DN đầu tư vào lĩnh vực này.

Những nỗ lực trong cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh đã phát huy hiệu quả và niềm tin cho các nhà đầu tư không chỉ ở thị trường các nước tiềm năng, truyền thống mà cả ở các nước có thể mạnh về vốn, công nghệ như Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Hà Lan... Như vậy, trong khi nhiều tỉnh, thành trong cả nước đang chạy nước rút, hoàn thành chỉ tiêu thu hút đầu tư thì Vinh Phúc đã "cán đích", vượt chỉ tiêu thu hút vốn DDI cả năm 2019 ngay từ quý 1 và vượt 25% chỉ tiêu thu hút vốn FDI từ tháng 9, xếp thứ 18/63 tỉnh, thành cả nước về đầu tư nước ngoài.

Tính đến năm 2019, Vinh Phúc có trên 230 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký trên 3,5 tỷ USD. Trong đó, 208 dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tập trung chủ yếu vào các ngành CNHT, dệt may, chiếm 80% về giá trị sản xuất công nghiệp và gần 90% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

2.2.2. Chính sách tài chính

Ủy ban Nhân dân tỉnh đã chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị quyết hỗ trợ DN sản xuất sản phẩm CNHT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025. Theo

do, tính sẽ hỗ trợ lãi suất vay vốn thực hiện đầu tư dự án mới hoặc mở rộng quy mô từ 20% trở lên; hỗ trợ 50% chi phí, lãi suất vay vốn đầu tư ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Các DN sản xuất sản phẩm CNHT có trong danh mục thuộc các ngành được ưu tiên như: Điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo và công nghiệp công nghệ cao, được hỗ trợ lãi suất vay vốn thực hiện đầu tư dự án mới hoặc mở rộng quy mô dự án từ 20% trở lên...

Ngoài ra, để hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, ngay từ đầu năm 2019, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc đã chỉ đạo các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng chủ động thực hiện tốt chính sách tiền tệ theo hướng chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt, có sự cân bằng giữa huy động vốn và cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh. Nhờ đó, năm 2019, lãi suất huy động giữ ổn định phổ biến ở mức 4,6 - 7,3%/năm theo từng kỳ hạn, lãi suất cho vay bằng VND được áp dụng ở mức từ 6 - 11%/năm, riêng đối với một số lĩnh vực, ngành kinh tế ưu tiên phổ biến ở mức 6 - 6,5%/năm

2.2.3. Chính sách hỗ trợ đầu tư

Hỗ trợ DN sản xuất sản phẩm CNHT, thuộc danh mục ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, được thực hiện với nội dung tương ứng với các mức hỗ trợ như:

- Hỗ trợ 100% chi phí - nhưng không quá 300 triệu đồng/1 hệ thống DN trong nước - xây dựng, đánh giá và công nhận hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu (hệ thống quản lý chất lượng ISO và tương đương);

- Hỗ trợ 100% chi phí - nhưng không quá 200 triệu đồng/1 DN - lập hồ sơ và cấp giấy chứng nhận DN sản xuất sản phẩm CNHT công nghệ cao;

- Hỗ trợ 50% chi phí - nhưng không quá 3 tỷ đồng/1 DN - lãi suất vay vốn ưu tiên thực hiện dự án đầu tư mới hoặc mở rộng dự án (từ 20% quy mô trợ len

Hỗ trợ chi phí lãi suất cho vay vốn ưu tiên thực hiện dự án đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô dự án từ 20% trở lên; hỗ trợ 50% chi phí, lãi suất vay vốn đầu tư ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Hỗ trợ 50% chi phí - nhưng không quá 500 triệu đồng/1 DN - đầu tư ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm CNHT;

- Hỗ trợ 100% chi phí - nhưng không quá 200 triệu đồng/1 tiêu chuẩn - cho DN đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo khu vực cho sản phẩm CNHT thuộc danh mục ưu tiên phát triển của tỉnh...

2.2.4. Chính sách ưu đãi thuế và các chi phí đầu tư khác

Vĩnh Phúc đã áp dụng thuế suất thuế thu nhập DN (TNDN), với mức 10% trong thời hạn 15 năm, đối với các DN công nghệ cao và với những khoản thuế TNDN từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch...

Nhằm thúc đẩy việc xuất - nhập khẩu hàng hóa của các DN trong các KCN, Vĩnh Phúc áp dụng hình thức miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư (từ thiết bị, máy móc, linh kiện, phụ kiện, nguyên liệu trong nước chưa sản xuất được...).

Ngoài việc được ưu đãi về thuế như trên, tỉnh Vĩnh Phúc cũng áp dụng một số ưu đãi khác, như: Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước. Cụ thể, tỉnh miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê đối với đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong KCN theo quy hoạch, được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (không quá 3 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật). Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 11 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản nêu trên

Tuy các khoản phí được ưu đãi đối với các DN trong các KCN phải chi trả không bỏ qua các khoản chi khác, nhưng cũng là khoản chi đáng kể. Tỉnh Phúc quan tâm đến nỗ lực không chỉ tác động giảm chi phí, mà còn giảm chi phí quản lý việc tận dụng các nguồn vốn kinh doanh của DN để thúc đẩy tiến trình toàn bộ các bước, quy trình cấp

giấy chứng nhận đầu tư, khắc con dấu, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phí cấp phép xây dựng, phí cấp phép cho người lao động nước ngoài, đồng thời giảm các khoản như phí tư vấn, phí dịch vụ từ các tổ chức cung cấp dịch vụ.

Tinh cũng hỗ trợ chi phí lập hồ sơ để xuất dự án đầu tư trực tiếp, thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư trên địa bàn, như: CNHT cho các ngành sản xuất ô tô, xe máy, điện tử, viễn thông...

Mặc dù nhu cầu thực tế lớn và ngân sách không đủ sức đáp ứng, nhưng Vĩnh Phúc đã dành ngân sách hỗ trợ hoặc hỗ trợ một phần để xây dựng một số hạng mục đầu tư trong các KCN, đặc biệt là chi phí giải phóng mặt bằng trong việc xây dựng các KCN. Không những vậy, tỉnh cũng đã hỗ trợ các KCN giải quyết nhà ở cho công nhân, góp phần giải quyết một trong những thách thức lớn đối với các chủ đầu tư hạ tầng và các công ty thứ cấp hiện nay.

2.3. Những vấn đề đặt ra

Định hướng phát triển CNHT đã giúp ngành công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc những năm qua được ghi nhận có tốc độ tăng trưởng tốt, góp phần thúc đẩy các ngành công nghiệp chủ lực của địa phương phát triển, điển hình như: ngành cơ khí chế tạo, lắp ráp ô tô, xe máy.

Tuy đạt được những kết quả tích cực, nhưng ngành CNHT tại Vĩnh Phúc vẫn còn những hạn chế, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Hầu hết các sản phẩm CNHT có hàm lượng công nghệ chế tạo thấp, chủ yếu là gia công, lắp ráp cụm linh kiện, sản xuất sản phẩm đơn giản, giá trị gia tăng không cao và còn sử dụng nhiều lao động. Các dự án CNHT đầu tư vào sản xuất linh kiện ô tô, xe máy còn chưa nhiều, mang tính nhỏ lẻ, sản phẩm làm ra ít về chủng loại và sản lượng, chưa tạo được sức cạnh tranh.

Do đó, để phục vụ nhu cầu sản xuất trong nước, hàng năm ngành ô tô vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn linh kiện, phụ tùng. Các DN sản xuất linh kiện điện tử cũng gặp khó khăn tương tự trong việc sản xuất do thị trường trong nước chưa thể cung ứng được các sản phẩm linh kiện, phụ tùng của ngành hàng này nên nhà sản xuất gần như phụ thuộc phần nhiều vào nguyên phụ liệu nhập khẩu.

Bên cạnh các cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, nguồn lao động, Vĩnh Phúc cần quan tâm thu hút các nhà đầu tư sản xuất CNHT nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa trong ngành sản xuất linh kiện điện tử nói riêng và các ngành sản xuất, chế tạo sản phẩm công nghiệp nói chung.

Cùng với đó, cũng cần có những giải pháp về cơ chế, chính sách để giải quyết hài hòa được lợi ích của 3 bên: Nhà nước - Doanh nghiệp và Người tiêu dùng. Có như vậy, các DN hoạt động trong các lĩnh vực CNHT của tỉnh mới có cơ hội phát triển, mở rộng thị trường.

3. Đề xuất giải pháp phát triển ngành CNHT trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

3.1. Giải pháp về tài chính:

Một là, chủ động xây dựng, đề nghị Chính phủ cho phép và áp dụng chính sách ưu đãi tài chính phù hợp với đặc thù và định hướng phát triển của tỉnh đối với việc hỗ trợ phát triển các ngành CNHT trọng điểm của tỉnh.

Hai là, đa dạng hóa các nguồn vốn trong đầu tư hỗ trợ các DN. Muốn vậy, tỉnh cần phân tích quan hệ giữa lợi ích - chi phí đối với từng nguồn vốn tiềm năng và thực hiện những chính sách đảm bảo lợi ích hợp lý cho các chủ thể liên quan, trên cơ sở bám sát mục tiêu và định hướng phát triển chung của tỉnh. Từ đó, xây dựng và thực hiện ưu đãi tín dụng một cách thỏa đáng hơn đối với các dự án đầu tư vào các ngành CNHT.

3.2. Giải pháp về công nghệ:

Hiện nay, Vĩnh Phúc đang thu hút các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm CNHT có quy mô lớn, trình độ công nghệ tiên tiến và ít gây ô nhiễm môi trường. Ngược lại, đối với các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm CNHT hoạt động gây ô nhiễm môi trường do công nghệ lạc hậu sẽ phải đầu tư đổi mới để khắc phục ô nhiễm hoặc ngừng hoạt động - áp dụng theo chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ được quy định tại Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành CNHT.

Hơn nữa, tỉnh cần tăng cường tư vấn, tìm kiếm, giới thiệu và hỗ trợ chuyển giao các công nghệ sản xuất hiện đại; hỗ trợ xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng tiên tiến cho các DN sản xuất sản phẩm

CNHT. Điều này sẽ giúp góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN CNHT.

Xây dựng các chương trình hợp tác dài hạn với các đối tác quốc tế, các tập đoàn đa quốc gia, các trường đại học, viện nghiên cứu nhằm nghiên cứu chuyên sâu về các sản phẩm và công đoạn hỗ trợ cho ngành điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy phù hợp với năng lực của tỉnh Vĩnh Phúc.

3.3. Giải pháp thu hút đầu tư:

Thu hút đầu tư thông qua chủ đầu tư của các KCN. Chủ đầu tư các KCN sau khi quán triệt chủ trương khuyến khích phát triển của tỉnh, sẽ xúc tiến mời gọi các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm CNHT. Các DN hoạt động trong các KCN đóng vai trò cầu nối, bởi họ có khả năng mời gọi các nhà đầu tư - là các đối tác hoặc bạn bè hoạt động trong cùng một lĩnh vực, đến đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm CNHT ở các KCN. Đồng thời, tỉnh cũng cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về chính sách phát triển để thu hút đầu tư nguồn lực xã hội vào phát triển CNHT.

3.4. Giải pháp liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm CNHT

Thành lập các pháp nhân mới dưới hình thức công ty cổ phần, công ty TNHH mà các cổ đông, các thành viên góp vốn là những pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm CNHT và các nhà phân phối. Liên kết

tiêu thụ sản phẩm giữa các DN trong Hiệp hội ngành nghề sẽ giúp tiêu thụ sản phẩm hỗ trợ một cách ổn định và hiệu quả. Không những vậy, cần triển khai hiệu quả các chương trình kết nối kinh doanh, liên kết giữa DN trong tỉnh với các DN trong các KCN của cả nước, các DN đa quốc gia, các công ty sản xuất, lắp ráp trong và nước ngoài, Xúc tiến kết nối đầu tư tại thị trường các nước mà Việt Nam đã ký kết hiệp định thương mại tự do nhằm đa dạng hoá và mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo cơ hội cho các sản phẩm CNHT.

4. Kết luận

CNHT không chỉ là động lực trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho ngành công nghiệp, giúp tăng sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp chính và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa mà còn là nền tảng, cơ sở để sản xuất công nghiệp phát triển mạnh hơn.

Tỉnh Vĩnh Phúc cần thực hiện tốt các chính sách đã đưa ra để tạo ra một môi trường đầu tư thân thiện, thuận lợi với các nhà đầu tư. Qua đó, tạo động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh bứt phá và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng giá trị xuất khẩu, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa. Tỉnh Vĩnh Phúc phấn đấu đến năm 2025, CNHT sẽ trở thành mắt xích cung cấp sản phẩm công nghệ hỗ trợ có hàm lượng giá trị cao trong dây chuyền của các tập đoàn lớn trong nước và quốc tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2017), *Quyết định số 317/BC-BQLKCN, ngày 15/3/2017, Tình hình quy hoạch và đầu tư xây dựng, phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn.*
2. Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2016), *Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển DN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.*
3. Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2017), *Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 23/1/2017 quy định về chính sách ưu đãi sản phẩm công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.*
4. Văn phòng UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2017), *Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 về tình hình đầu tư xây dựng và triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp.*

Ngày nhận bài: 25/3/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/4/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/4/2020

Thông tin tác giả:

1. ĐỖ HUYỀN HƯƠNG

Khoa Kinh tế vận tải

Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Cơ sở Vinh Phúc

2. NGUYỄN THU HẰNG

Khoa Kinh tế vận tải

Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Cơ sở Vinh Phúc

A STUDY ON THE DEVELOPMENT OF SUPPORTING INDUSTRY IN VINH PHUC PROVINCE FROM 2017 TO 2019

● DO HUYEN HUONG

Faculty of Transport Economics,

University of Transport Technology, Vinh Phuc Campus

● NGUYEN THU HANG

Faculty of Transport Economics,

University of Transport Technology, Vinh Phuc Campus

ABSTRACT:

This study analyses the current development situation of Vinh Phuc Province's supporting industry from 2017 to 2019. This study also proposes practical and strategic solutions to promote the development of Vinh Phuc Province's supporting industry in the future.

Keywords: Current situation, supporting industry, Vinh Phuc Province.